

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1111** /UBND-NC
V/v chia khối, cụm; phân
công Khối trưởng, Cụm
trưởng và phân bổ chỉ tiêu
khen thưởng cho khối,
cụm thi đua năm 2016

Quảng Ngãi, ngày **16** tháng 3 năm 2016

| | |
|--------------------------------------|--|
| TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI | |
| CV | Số:..... 1861 |
| DẾN | Ngày: 17 / 3 / 16 |
| | Chuyên:..... |

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và các doanh nghiệp trong tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân chia khối, cụm thi đua thuộc tỉnh; phân công các Khối trưởng, Khối phó; Cụm trưởng, Cụm phó các khối, cụm thi đua năm 2016 (có phụ lục kèm theo) và phân bổ chỉ tiêu Cờ thi đua Chính phủ, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các khối, cụm thi đua của tỉnh năm 2016; đồng thời, yêu cầu các khối, cụm thi đua của tỉnh triển khai thực hiện một số nội dung sau:

I. CHIA KHỐI, CỤM THI ĐUA THUỘC TỈNH VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC KHỐI TRƯỞNG, KHỐI PHÓ, CỤM TRƯỞNG, CỤM PHÓ, CÁC THÀNH VIÊN THUỘC KHỐI, CỤM THI ĐUA NĂM 2016

1. Trách nhiệm của Khối trưởng, Khối phó, Cụm trưởng, Cụm phó:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua, bình xét khen thưởng theo yêu cầu nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về việc phối hợp tổ chức các hoạt động phong trào thi đua, bình xét khen thưởng thuộc khối, cụm thi đua được phân công; đăng ký giao ước thi đua, phát động phong trào thi đua ngay đầu năm 2016, triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh năm 2016. Chủ động xây dựng, điều chỉnh, bổ sung

Quy chế phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng dẫn của Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh; các khối trưởng, cụm trưởng căn cứ vào chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và đặc điểm tình hình của các đơn vị, địa phương thuộc khối, cụm thi đua mình để xây dựng chỉ tiêu thi đua; điểm thi đua từng tiêu chí cho phù hợp, sau khi thống nhất với các thành viên trong khối, cụm ban hành quy chế và hướng dẫn cụ thể hoá về nội dung, phương pháp đánh giá; xây dựng thang bảng điểm cho từng tiêu chí, đăng ký thi đua và tổ chức ký kết giao ước thi đua; gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh) trước ngày 31/3/2016.

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua giữa các đơn vị thành viên trong khối, cụm thi đua; thành lập tổ thư ký, phân công nhiệm vụ tổ thư ký để giúp việc cho khối, cụm thi đua; tổ chức kiểm tra chéo, đánh giá hoạt động và thực hiện các chỉ tiêu thi đua của các đơn vị, địa phương trong khối, cụm làm cơ sở bình xét thi đua vào cuối năm.

c) Thực hiện nghiêm túc việc sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, bình xét thi đua, khen thưởng giữa các đơn vị thành viên thuộc khối, cụm thi đua, đảm bảo tính nguyên tắc, dân chủ, công bằng và chính xác; tổng hợp báo cáo đầy đủ kết quả việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng của khối, cụm thi đua 6 tháng, năm và lập thủ tục đề nghị khen thưởng, suy tôn các đơn vị xuất sắc của khối, cụm thi đua năm 2016; tiến hành bầu Khối trưởng, Cụm trưởng các khối, cụm thi đua luân phiên cho năm tiếp theo gửi kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) theo đúng quy định;

d) Khối trưởng, Khối phó; Cụm trưởng, Cụm phó được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của khối, cụm thi đua.

2. Trách nhiệm của các đơn vị thành viên thuộc Khối, Cụm thi đua

Phối hợp với Khối trưởng, Cụm trưởng thực hiện tốt các hoạt động của khối, cụm thi đua. Căn cứ vào chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và đặc điểm tình hình của đơn vị, địa phương mình xây dựng chỉ tiêu thi đua; điểm thi đua từng tiêu chí để đăng ký giao ước thi đua với khối, cụm; triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu đã đăng ký và quy chế, quy định của khối, cụm thi đua. Thực hiện đầy đủ các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của Trung ương, của tỉnh và khối, cụm. Thực hiện báo cáo và gửi các văn bản đăng ký giao ước thi đua, báo cáo sơ kết, tổng kết và các văn bản có liên quan về khối, cụm thi đua cho Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh đúng thời gian quy định.

II. PHÂN BỐ CHỈ TIÊU CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ, CỜ THI ĐUA CỦA UBND TỈNH, BẰNG KHEN CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH CHO KHỐI, CỤM THI ĐUA NĂM 2016

Để tổ chức thực hiện tốt các phong trào thi đua, công tác khen thưởng năm 2016 của tỉnh và động viên, khuyến khích các khối, cụm thi đua; kịp thời phát hiện nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới trong thi đua, yêu cầu các khối, cụm thi đua thực hiện việc bình xét thi đua, chấm điểm thi đua đúng tiêu chuẩn quy định, đảm bảo chặt chẽ, chính xác theo chỉ tiêu đã đăng ký giao ước thi đua nhằm suy tôn đơn vị đạt nhất, nhì các khối, cụm thi đua để xét, đề nghị tặng Cờ thi đua Chính phủ, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

1. Cờ thi đua của Chính phủ: (16 Cờ)

***. Số lượng phân bổ cụ thể như sau:**

- Khối các cơ quan công tác Đảng: 01 Cờ;
- Khối Mặt trận, Hội đoàn thể tỉnh: 01 Cờ;
- Khối Văn hóa- Xã hội: 01 Cờ;
- Khối Kinh tế ngành: 01 Cờ;
- Khối Nội chính: 01 Cờ;
- Khối Hành chính- Tổng hợp: 01 Cờ;
- Khối các trường Đại học, Cao đẳng: 01 Cờ;
- Khối các Doanh nghiệp: 02 Cờ;
- Khối, cụm thi đua thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Giáo dục và Đào tạo, thực hiện theo năm học: 02 Cờ;
- Khối thi đua thuộc Sở Y tế: 01 Cờ (*Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Sở Y tế xét chọn 1 trong 2 khối thi đua của ngành để đề nghị Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh xem xét đề nghị 01 Cờ thi đua Chính phủ*);
- Cụm các huyện, thành phố và Cụm các huyện miền núi, hải đảo: 02 Cờ thi đua của Chính phủ;
- Cụm xã, phường, thị trấn: 02 Cờ thi đua của Chính phủ.

2. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

***. Số lượng phân bổ cụ thể như sau:**

- Khối các cơ quan công tác Đảng (09 đơn vị): 02 Cờ, 05 Bằng khen;
- Khối Mặt trận, Hội đoàn thể tỉnh (06 đơn vị): 02 Cờ, 02 Bằng khen;
- Khối Lực lượng vũ trang nhân dân (04 đơn vị): 02 Cờ, 01 Bằng khen;
- Khối Văn hóa - Xã hội (08 đơn vị): 02 Cờ, 04 Bằng khen;

- Khối Kinh tế ngành (07 đơn vị): 02 Cờ, 03 Bằng khen;
- Khối Nội chính (06 đơn vị): 02 Cờ, 02 Bằng khen;
- Khối Hành chính - Tổng hợp (06 đơn vị): 02 Cờ, 02 Bằng khen;
- Khối các Tổ chức xã hội (16 đơn vị): 02 Cờ, 11 Bằng khen;
- Khối các trường Đại học, Cao đẳng: (11 đơn vị): 02 Cờ, 07 Bằng khen;
- Khối Tài chính- Tiền tệ (07 đơn vị): 02 Cờ, 04 Bằng khen;
- Khối các Ngân hàng Thương mại 1 (05 đơn vị): 02 Cờ, 02 Bằng khen;
- Khối các Ngân hàng Thương mại 2 (17 đơn vị): 02 Cờ, 10 Bằng khen;
- Khối Doanh nghiệp 1 (08 đơn vị): 01 Cờ, 05 Bằng khen;
- Khối Doanh nghiệp 2 (17 đơn vị): 02 Cờ, 10 Bằng khen;
- Khối Doanh nghiệp 3 (11 đơn vị): 01 Cờ, 07 Bằng khen;
- Khối, cụm thi đua thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, được thực hiện theo năm học: 05 Cờ;
- Khối thi đua thuộc Liên minh các Hợp tác xã (do Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì xét, đề nghị): 03 Cờ, 12 Bằng khen;
- Khối thi đua thuộc Sở Y tế: 04 Cờ (khối tuyển tỉnh: 02 Cờ, khối tuyển huyện, thành phố 02 Cờ) và 16 Bằng khen;
- Cụm các huyện đồng bằng và thành phố (07 đơn vị): 02 Cờ, 03 Bằng khen;
- Cụm các huyện Miền núi và Hải đảo (07 đơn vị): 02 Cờ, 03 Bằng khen;
- Cụm các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã), huyện xét và đề nghị:
 - + Huyện, thành phố có từ 03 đến 05 xã đề nghị 01 Cờ, 01 Bằng khen;
 - + Huyện, thành phố có từ 06 đến 10 xã đề nghị 01 Cờ, 04 Bằng khen;
 - + Huyện, thành phố có từ 11 đến 16 xã đề nghị 02 Cờ, 04 Bằng khen;
 - + Huyện, thành phố có trên 16 xã đề nghị 02 Cờ, 05 Bằng khen.

III. THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ THỜI GIAN TRÌNH KHEN THƯỞNG:

Thủ tục, hồ sơ và thời gian khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Nội vụ (Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh).

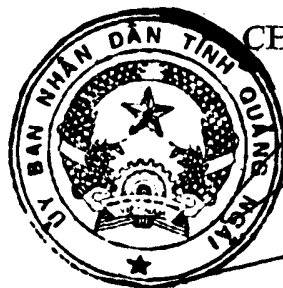
Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ kinh phí để các Khối, Cụm thi đua của tỉnh (kể cả khối, cụm thi đua thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; khối thi đua thuộc Liên minh Hợp tác xã; khối thi đua thuộc Sở Y tế) triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2016 từ nguồn kinh phí thi đua, khen thưởng của tỉnh; đồng thời, chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc bình xét thi đua, khen thưởng năm 2016 để tổng hợp báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Các Khối trưởng, Cụm trưởng có trách nhiệm lập dự trù kinh phí

tổ chức hoạt động của khối, cụm gửi Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh) trước ngày 30/4/2016.

* Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, chưa phù hợp, các khối, cụm thi đua kịp thời phản ánh về Thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Thi đua- khen thưởng
Trung ương (b/cáo);
- Ban Thi đua – Khen thưởng
Trung ương (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham
mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các ngành: Công an, Quân sự, Biên
phòng, Cảnh sát Phòng cháy, chữa
cháy tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NC),
HCTC, CBTH;
- Lưu: VT, NC_{lmc193}.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng



**CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
CHIA THEO KHỐI, CỤM THI ĐUA CỦA TỈNH NĂM 2016**

Quyết định số 1111 /UBND-NC ngày 16 /3/2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

A- CHIA THEO KHỐI THI ĐUA

I. KHỐI CÁC CƠ QUAN CÔNG TÁC ĐẢNG:

| | | |
|---|--|---|
| 1 | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy | Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy- Khối trưởng |
| 2 | Đảng ủy Khối Doanh nghiệp | Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp- Khối phó |
| 3 | Văn phòng Tỉnh ủy | |
| 4 | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy | |
| 5 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy | |
| 6 | Ban Dân vận Tỉnh ủy | |
| 7 | Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ngãi | |
| 8 | Ban Bảo vệ Chăm sóc sức khỏe Trung cao | |
| 9 | Ban Nội chính Tỉnh ủy | |

II. KHỐI MẶT TRẬN, HỘI, ĐOÀN THỂ:

| | | |
|---|---------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Ủy ban MTTQVN tỉnh | Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh- Khối trưởng |
| 2 | Tỉnh đoàn Quảng Ngãi | Bí thư Tỉnh đoàn – Khối phó |
| 3 | Liên đoàn Lao động tỉnh | |
| 4 | Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh | |
| 5 | Hội Cựu Chiến binh | |
| 6 | Hội Nông dân tỉnh | |

III. KHỐI CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI:

| | | |
|---|--------------------------------------|---|
| 1 | Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh | Chủ tịch Hội Cựu TNXP- Khối trưởng |
| 2 | Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh | Trưởng Ban Đại diện Hội Người cao tuổi- Khối phó |
| 3 | Hội Nạn nhân chất độc da cam-Dioxin | |
| 4 | Hội Đông y | |
| 5 | Hội Chữ thập đỏ tỉnh | |
| 6 | Phân xã Thông tấn xã VN tại Q. Ngãi | |

| | | |
|----|---|--|
| 7 | Liên minh các Hợp tác xã tỉnh | |
| 8 | Hội Văn học- nghệ thuật tỉnh Liên hiệp các Hội Khoa học-Kỹ thuật tỉnh | |
| 9 | Hội Khuyến học | |
| 10 | Hội Luật gia tỉnh Quảng Ngãi | |
| 11 | Hội Nhà báo tỉnh | |
| 12 | Hội Người mù tỉnh | |
| 13 | Hội Sinh viên tỉnh Quảng Ngãi | |
| 14 | Hội Châm cứu tỉnh Quảng Ngãi | |
| 15 | Hội tù yêu nước tỉnh Quảng Ngãi | |
| 16 | Liên đoàn Cầu lông tỉnh Quảng Ngãi | |
| 17 | Hội Cựu Giáo chức tỉnh Quảng Ngãi | |

IV. KHỐI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG:

| | | |
|---|-------------------------------------|---|
| 1 | Công an tỉnh | Giám đốc Công an tỉnh- Khối trưởng |
| 2 | Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh | Chỉ huy trưởng BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh- Khối phó |
| 3 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | |
| 4 | Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy tỉnh | |

V. KHỐI NỘI CHÍNH:

| | | |
|---|-----------------------------|------------------------------------|
| 1 | Thanh tra tỉnh | Chánh Thanh tra tỉnh - Khối trưởng |
| 2 | Sở Nội vụ tỉnh | Giám đốc Sở Nội vụ- Khối phó |
| 3 | Sở Tư pháp tỉnh | |
| 4 | Cục Thi hành án dân sự tỉnh | |
| 5 | Toà án nhân dân tỉnh | |
| 6 | Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh | |

VI. KHỐI HÀNH CHÍNH- TỔNG HỢP:

| | | |
|---|----------------------------------|--|
| 1 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Giám đốc Sở Ngoại vụ- Khối trưởng |
| 2 | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh | Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh- Khối phó |
| 3 | Sở Tài chính | |
| 4 | Ban Dân tộc tỉnh | |
| 5 | Sở Ngoại vụ | |
| 6 | Văn phòng UBND tỉnh | |

VII. KHỐI KINH TẾ NGÀNH:

| | | |
|---|-------------|-----------------------------------|
| 1 | Sở Xây dựng | Giám đốc Sở Xây dựng- Khối trưởng |
|---|-------------|-----------------------------------|

| | | |
|---|--|---|
| 2 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường- Khôi phó |
| 3 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| 4 | Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh | |
| 5 | Sở Công Thương | |
| 6 | Sở Giao thông vận tải | |
| 7 | Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất | |

VIII. KHỐI VĂN HÓA- XÃ HỘI:

| | | |
|---|---|--|
| 1 | Sở Khoa học và Công nghệ | Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ- Khôi trường |
| 2 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội- Khôi phó |
| 3 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 4 | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 5 | Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi | |
| 6 | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 7 | Báo Quảng Ngãi | |
| 8 | Sở Y tế | |

IX. KHỐI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG- TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP:

| | | |
|----|---|--|
| 1 | Trường Chính trị tỉnh | Hiệu Trưởng Trường Chính trị- Khôi trưởng |
| 2 | Phân hiệu Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Quảng Ngãi | Hiệu Trưởng Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Quảng Ngãi- Khôi phó |
| 3 | Trường Trung học Y tế Quảng Ngãi | |
| 4 | Trường Đại học Tài chính - Kế toán | |
| 5 | Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi | |
| 6 | Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Quảng Ngãi | |
| 7 | Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật- công nghệ Dung Quất | |
| 8 | Trường Đại học Phạm Văn Đồng | |
| 9 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghiệp Quảng Ngãi | |
| 10 | Trường Cao đẳng Công thương TP. HCM- Cơ sở đào tạo Quảng Ngãi | |
| 11 | Trường Cao đẳng Việt Nam- Hàn quốc Quảng Ngãi | |

X. KHỐI TÀI CHÍNH TIỀN TỆ:

| | | |
|---|-----------------------------|---|
| 1 | Cục Hải quan tỉnh | Cục trưởng Cục Hải quan- Khối trưởng |
| 2 | Bảo hiểm Xã hội tỉnh | Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh- Khối phó |
| 3 | Kho bạc Nhà nước tỉnh | |
| 4 | Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi | |
| 5 | Ngân hàng Nhà nước tỉnh | |
| 6 | Cục thuế tỉnh | |
| 7 | Cục Thống kê tỉnh | |

XI. KHỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 1:

| | | |
|---|---|--|
| 1 | Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN-Chi nhánh Q.Ngãi | Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN-Chi nhánh Q.Ngãi, Khối trưởng |
| 2 | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN- Chi nhánh Q.Ngãi | Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN- Chi nhánh Quảng Ngãi, Khối phó |
| 3 | Ngân hàng Công thương-Chi nhánh Quảng Ngãi | |
| 4 | Ngân hàng Ngoại thương VN- Chi nhánh Quảng Ngãi | |
| 5 | Ngân hàng Ngoại thương VN- Chi nhánh Dung Quất | |

XII. KHỐI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 2:

| | | |
|---|---|--|
| 1 | Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Q.Ngãi | Giám đốc Ngân hàng Đông Á- Chi nhánh Quảng Ngãi- Khối trưởng |
| 2 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Q.Ngãi | Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Quảng Ngãi, Khối phó |
| 3 | Ngân hàng TMCP Liên Việt- Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 4 | Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 5 | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN-Chi nhánh Quảng Ngãi | |
| 6 | Ngân hàng TMCP Đại Dương- Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 7 | Ngân hàng Phát triển VN- Chi nhánh Q.Ngãi | |

| | | |
|----|---|--|
| 8 | Ngân hàng TMCP Việt Á- Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 9 | Ngân hàng Chính sách-Xã hội VN- Chi nhánh Quảng Ngãi | |
| 10 | Ngân hàng TMCP Kỹ thương- Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 11 | Ngân hàng TMCP Quốc tế- Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 12 | Ngân hàng TMCP Thương Tín- Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 13 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 14 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội- Chi nhánh Quảng Ngãi | |
| 15 | Ngân hàng TMCP Đại chúng- Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 16 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín- Chi nhánh Q.Ngãi | |
| 17 | Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh- Chi nhánh Q.Ngãi | |

XIII. KHỐI DOANH NGHIỆP 1:

| | | |
|---|---|--|
| 1 | Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi | Giám đốc Cty Xăng dầu Quảng Ngãi- Khối trưởng |
| 2 | Điện lực Quảng Ngãi | Giám đốc Điện lực Q.Ngãi- Khối phó |
| 3 | Viễn thông Quảng Ngãi | |
| 4 | Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Quảng Ngãi (PJICO Quảng Ngãi) | |
| 5 | Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi | |
| 6 | Bưu điện tỉnh Quảng Ngãi | |
| 7 | Công ty Bảo Việt Quảng Ngãi | |
| 8 | Công ty Bảo Việt nhân thọ Quảng Ngãi | |

XIV. KHỐI DOANH NGHIỆP 2:

| | | |
|---|--|---|
| 1 | Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Quảng Ngãi | Giám đốc Cty TNHH MTV Môi trường Đô thị Q.Ngãi- Khối trưởng |
| 2 | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Quảng Ngãi | Giám đốc Cty Cổ phần Bia Sài Gòn- Quảng Ngãi, Khối phó |
| 3 | Cty Cổ phần Nông sản T.Phẩm Q.Ngãi | |
| 4 | Cty TNHH MTV Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi | |

| | | |
|----|--|--|
| 5 | Công ty Cổ phần Du lịch Quảng Ngãi | |
| 6 | Cty Cấp thoát nước và XD Quảng Ngãi | |
| 7 | Cty Cổ phần Xây dựng Đô thị và KCN | |
| 8 | Cty Cổ phần Đường Quảng Ngãi | |
| 9 | Cty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi | |
| 10 | Cty Cổ phần Dịch vụ Giao thông vận tải | |
| 11 | Cty Cổ phần Xây dựng Giao thông Q.Ngãi | |
| 12 | Cty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông lâm nghiệp | |
| 13 | Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn | |
| 14 | Cty Cổ phần Xây dựng Công trình Q.Ngãi | |
| 15 | Cty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi QN | |
| 16 | Cty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | |
| 17 | Cty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Q. Ngãi | |

XV. KHỐI DOANH NGHIỆP 3:

| | | |
|----|--|--|
| 1 | Cty Cổ phần Đầu tư - XD Thiên Tân | Giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư- XD Thiên Tân- Khối trưởng |
| 2 | Cty TNHH Thương mại vận tải Hân Nga | Giám đốc Cty TNHH Thương mại vận tải Hân Nga- Khối phó |
| 3 | Công ty TNHH Hồng Sơn | |
| 4 | Cty Cổ phần Bến xe Quảng Ngãi | |
| 5 | Công ty Cổ phần phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi | |
| 6 | Cty Cổ phần Hóa chất Quảng Ngãi | |
| 7 | Cty TNHH Trung Nghĩa | |
| 8 | Cty Cổ phần Thương mại tổng hợp Q. Ngãi | |
| 9 | Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phùng Hưng | |
| 10 | Công ty TNHH Hiệp Hương | |
| 11 | Công ty TNHH Phú Điền | |
| 12 | Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi | |

B- CHIA THEO CỤM THI ĐUA

I. CỤM CÁC HUYỆN ĐỒNG BẰNG VÀ THÀNH PHỐ:

| | | |
|---|------------------|---|
| 1 | Huyện Nghĩa Hành | Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành- Cụm trưởng |
|---|------------------|---|

| | | |
|---|----------------------|-------------------------------------|
| 2 | Huyện Mộ Đức | Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức- Cụm Phó |
| 3 | Thành phố Quảng Ngãi | |
| 4 | Huyện Sơn Tịnh | |
| 5 | Huyện Đức Phổ | |
| 6 | Huyện Tư Nghĩa | |
| 7 | Huyện Bình Sơn | |

II. CỤM CÁC HUYỆN MIỀN NÚI VÀ HẢI ĐẢO:

| | | |
|---|-----------------|---|
| 1 | Huyện Trà Bồng | Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng - Cụm trưởng |
| 2 | Huyện Lý Sơn | Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn- Cụm phó |
| 3 | Huyện Ba Tư | |
| 4 | Huyện Tây Trà | |
| 5 | Huyện Sơn Hà | |
| 6 | Huyện Minh Long | |
| 7 | Huyện Sơn Tây | |